

## TẤMLÒNG

## CỦA ĐÁ



Bầu trời u ám, đám mây xám nằm vắt mình trên đỉnh núi ngập ngừng như không muốn trôi. Gió sớm thổi nhẹ, đẩy mấy chiếc lá bồ đề vàng úa xa lìa cành. Ngôi chùa cổ rêu phong rách nát phơi mình trên ngọn đồi đá, mang màu tang tóc bi thương. Tiếng chim rừng bi ai nức nở như tiếc thương một vị sư trong chùa vừa lìa đời trả nghiệp. Cảnh chùa giờ đây vắng vẻ thảm sầu làm sao! Nhiều Phật tử thân tín trong làng cũng đã chết theo Thầy trong đêm lửa đạn ấy, chỉ còn lại một số ở xa thỉnh thoảng về chùa lễ Phật và cầu siêu cho thân nhân.

Trong chùa lúc này Đồng Chúng đã lớn khôn, có thể đảm đương mọi việc, nhưng tối ngày huynh cứ buồn khóc hoài, để mặc công việc cho tôi và Đồng Đắc. Có những đêm mưa buồn rả rích, Đồng Chúng nhớ Thầy nằm khóc rống lên và réo gọi: “Thầy ơi! Thầy nỡ bỏ con!” làm tôi thấy rợn cả người, và mũi lòng khóc theo. Thế là cả ba chúng tôi cùng khóc làm vang động cả chùa. Ngọn đèn dầu hột vẹt trên bàn thờ Thầy lúc bấy giờ bập bùng theo từng cơn gió lùa qua khe cửa như linh hồn Thầy hiện về đáp lời an ủi vỗ về: Các con đừng khóc nữa. Đời là vô thường giả tạm, hãy tĩnh tâm lo việc tu hành.

Ngày tháng trôi qua, nỗi buồn nhớ

Thầy cũng nguôi dần. Nhưng bây giờ gặp phải vấn đề khó khăn về kinh tế hàng ngày. Ưu tư hiện rõ trên nét mặt Đồng Chúng, nhiều khi huynh đã nhịn ăn cho chúng tôi được no lòng. Những bữa ăn thường là khoai luộc hay bắp hầm vôi với tương hột mặn. Lâu lâu mới có được một bữa cơm ngon do Phật tử đem gạo đến chùa nấu cúng. Chung quanh chùa chỉ toàn là đá xanh và cây rừng, dù có muốn trồng trọt cũng không tài nào canh tác được. Hồi Thầy còn sống thì chỉ nhờ vào việc cúng đám, nhưng từ khi Thầy qua đời, Phật tử ít tới lui, những người ở xa lại không dám đến chùa vì sợ gặp Việt Cộng sẽ bị bắt đi. Trước hoàn cảnh khó khăn này, nếu một mình Đồng Chúng thì không có gì lo cho lắm, Đồng Chúng có thể xin ở một chùa khác để tu học, hoặc ở tại chùa này nhờ Phật tử giúp đỡ cũng tạm sống qua ngày, vì hầu hết các chùa trong tỉnh đều biết Thầy tôi và Đồng Chúng. Nhưng hiện chùa có tới ba người ở cái tuổi ăn nhiều hơn làm nên khó, thử hỏi có chùa nào nhận hết cho. Mỗi chùa chỉ nhận nuôi một người, vì chùa nào cũng đầy đủ đạo chúng và hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đồng Chúng thì không nỡ bỏ chúng tôi, nhất là từ khi Thầy tịch, chúng tôi lại quyến luyến Đồng Chúng nửa bước không rời.

Ở miền Trung phần nhiều các chùa đều tự túc. Có chùa nuôi cả

bồ để cày bừa và đệ tử đông đến cả trăm người lớn nhỏ. Những chùa này các đệ tử cực lắm, ngoài việc tu học còn phải làm việc rất vất vả. Chỉ những người có đạo tâm thực sự muốn tu hành mới ở được, còn không thì chỉ một thời gian ngắn là phải trở về nhà thôi. Vị Trụ trì thường lấy lời của Tổ Bách Trượng để răn dạy đệ tử: “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất

thực” nghĩa là một ngày không làm thì một ngày không ăn. Do đó những kẻ chán đời, lưỡi biếng thì khó mà ở chùa được lâu dài.

Một hôm cha tôi từ tỉnh về thăm chùa, thấy tôi ốm o tiêu tụy, ông cảm không được nước mắt, nên xin Đồng Chúng cho tôi trở lại nhà để sống với ông, nhưng tôi không chịu, chạy trốn để ở lại chùa. Đồng Chúng cũng xin giùm cho tôi, cho nên cha tôi thấy vậy cũng không nỡ bắt ép tôi. Từ đó, ông thường gởi lương thực tới giúp đỡ tôi hàng tháng. Đồng Đắc cũng được gia đình tiếp tế. Vì vậy trong chùa về sau có phần dễ thở hơn.

Năm ấy, miền Trung bị bão lụt nặng nề, lại thêm chiến cuộc bộc phát dữ dội. Những vùng quê mất an ninh phải theo lệnh Tỉnh tản cư ra quận để tránh Việt cộng. Chúng tôi cũng cùng chung số phận phải khăn gói ra đi, bỏ lại ngôi chùa thân yêu đầy kỷ niệm.

Lúc đầu chúng tôi đến chùa Thiên



Lâm xin ở, được Hòa Thượng trụ trì nhận, và bảo phải theo quy luật của chùa. Chùa này nổi tiếng là nghiêm khắc, ít nuôi đệ tử nhỏ tuổi. Những người trong chùa từ 18 trở lên, ban ngày canh tác để sống, ban đêm thì ngồi thiền định, ít có thì giờ ngủ nghỉ. Đồng Chúng thì theo được, nhưng tôi và Đồng Đắc thì không tài nào chịu nổi. Một hôm Đồng Đắc rủ tôi trốn đi về nhà huynh ở. Lúc đầu tôi còn do dự, sợ Đồng Chúng buồn, nhưng khi nghĩ đến mỗi lần tọa thiền ngủ gục bị phạt quỳ hương mà phát ốm, nên cuối cùng tôi chịu dứt khoát ra đi.

Đêm hôm ấy trong lúc mọi người ngủ hết, Đồng Đắc và tôi lấy quần áo lên ra cửa sau vườn chùa chuồn mất. Lúc chúng tôi trốn đi, không ai đóng cửa, nên ăn trộm lên vào vườn hái sạch trái cây của chùa. Thế là sáng hôm sau Đồng Chúng bị vị thủ tọa kêu lên quở trách về tội trộm cắp của chúng tôi, và không cho chúng tôi trở lại chùa nữa. Đồng Chúng buồn rầu lại khăn gói ra đi theo chúng tôi. Ở nhà Đồng Đắc được mấy tháng thì Đồng Đắc phát bệnh nặng, tối ngày la lối như người điên, thuốc thầy chữa trị không hết, lại còn ngày càng nặng thêm. Cha Đồng Đắc nhớ lại hồi nhỏ Đồng Đắc cũng có lần bị bệnh như vậy, chỉ đem vào chùa cho Thầy tụng kinh và đút đầu vô đại hồng chung là khỏi ngay. Ông bèn bàn với Đồng

Chúng lên am Linh Sơn xin ở nhờ. Am này tọa lạc trên một ngọn đồi, cũng gần nhà Đồng Đắc, do Sư Cô Diệu Huyền trông nom. Sư cô đã ngoài 60 tuổi, chỉ ở một mình sớm hôm hương khói cho Phật. Trong am ngoài chỗ thờ Phật còn có bàn thờ Ngài Quan Công và bà Ngũ Hành. Nơi đây được nổi tiếng là linh thiêng, dân chúng thường tới lui xin xăm cầu nguyện, nhờ vậy mà Sư Cô có đủ sự sống hàng ngày. Lúc đầu, chúng tôi đến ở phải tự túc lấy, về sau có nhiều phật tử lui tới cúng bái, mời Đồng Chúng đi tụng đám, nên cuộc sống không còn túng quẫn nữa. Đồng Đắc từ khi về am ở, được Sư Cô đêm đêm để mõ trên đầu tụng chú Chuẩn Đề nên dần dần hết bệnh. Sư Cô theo Mật Tông, chuyên tu luyện chú Chuẩn Đề: **ÁN CHIẾT LỆ CHỦ LỆ CHUẨN ĐỀ TA BÀ HA**. Câu thần chú này có công năng phá trừ hết các loại tà thuật, ma quỷ, yêu quái, mộng寐, và thoát được tai nạn hiểm nghèo, dứt sạch chướng duyên, oan nghiệt từ nhiều kiếp cho chính bản thân mình, cùng cứu người. Người muốn trì chú này phải giữ lòng trong sạch, mỗi đêm đọc từ 21 đến 108 lần, hoặc nhiều hơn. Một khi được ứng nghiệm, đêm nằm mộng sẽ thấy đức Chuẩn Đề vương Bồ tát có 18 tay hiện ra xoa đầu, và về sau cầu gì cũng được toại ý. Xưa Tổ Hữu Đức một mình vào núi Trà Cú ở Phan Thiết tu luyện chú Chuẩn Đề được kết quả, cảm hóa, và hàng phục được thú dữ, chim muông, rắn độc. Ngài có tài chữa bệnh cho dân chúng bằng bùa Chuẩn Đề. Ai có bệnh đến, Ngài chỉ viết chú Chuẩn Đề trong miếng giấy nhỏ, rồi đem bỏ vào ly nước, uống là khỏi ngay. Nhờ đó, những người hết bệnh góp công lán của xây dựng một ngôi chùa đồ sộ trên đỉnh núi cao. Sư Cô là đệ tử của Tổ Hữu Đức nên được chân truyền. Từ ngày Đồng Đắc được

Sư Cô chữa hết bệnh, dân chúng truyền miệng nhau, nên có nhiều người đến xin Sư Cô chữa bệnh, nhất là bệnh điên.

Cảnh am vắng bầy giờ trở nên đông đúc rộn rịp, lúc nào cũng có người xin ngủ lại am để nhờ Sư Cô tụng kinh chữa bệnh. Đêm ấy, vào cuối thu, ngoài trời tối đen như mực. Mọi người trong am đều ngủ hết, bỗng một ngọn lửa phát cháy dữ dội ở một góc am, chỗ mấy bệnh nhân đang nằm. Ai nấy hoảng hốt thức dậy lo chạy chữa lửa. Một mình Đồng Chúng xông vào ngọn lửa để cứu các bệnh nhân, rủi cho huynh trong lúc ẵm một bệnh nhân ra đã bị cháy cả hai tay, khiến huynh bị thương nặng, phải mất cả năm mới bình phục được. Sáng ra, người ta không rõ kẻ nào đã đốt am này, chỉ biết từ đó trở đi không còn ai dám đến xin trị bệnh nữa, ba huynh đệ chúng tôi vẫn tiếp tục ở đây cho đến ngày Sư Cô Diệu Huyền già yếu qua đời. Bây giờ Đồng Chúng được thừa kế Sư Cô trông nom am Linh Sơn, dần dần am trở thành một ngôi chùa nhỏ xinh xắn kang trang mà người ta gọi là Chùa Đá.

Từ xa nhìn về chùa chỉ thấy một màu đá xanh và “đá vẫn phơi gan cùng tuế nguyệt”, mặc cho thế sự thăng trầm. Đá không có lòng hận thù chiến tranh giết chóc đồng loại, chỉ biết giúp người chống đỡ thiên tai. Người ta dùng đá xây nhà để ở, đắp đá ngăn lụt, và làm đường cho xe chạy. Người xưa nhờ đá mà có dụng cụ trồng trọt nuôi sống hàng ngày. Tấm lòng của đá thật độ lượng, bao dung và nhân từ, Đá còn kết tinh thành những hạt kim cương rắn chắc, không có vật gì làm hư hại được. Do đó, trong kinh Phật có quyển kinh mang tên đá biểu hiện chân tâm bất diệt, đó là kinh Kim Cương vậy.

**Đồng Minh**